TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 48/2018/DS-ST
Ngày: 15/6/2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Giảng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Phạm Thị Phượng.**

2/ Bà **Lý Thị Bé Năm**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Danh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2018/TLST-DS ngày 15/5/2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐST-DS ngày 01/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Bế Thị Ánh T, sinh năm 1973.(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã E, thị xã F, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị là người kinh doanh mua bán gạo tại khu vực bà Đắc, xã An Cư, huyện Cái Bè, Tiền Giang, chị biết chị Bế Thị Ánh T và anh Lê Thanh T1 thông qua mối quan hệ bạn hàng mua bán gạo. Từ năm 2012 đến 2016 chị có bán cho chị T, anh T1 nhiều lần với số lượng gạo khác nhau. Đến nay, chị T, anh T1 còn nợ lại chị tổng số tiền 70.000.000 đồng. Chị đã nhiều lần yêu cầu chị T, anh T1 trả cho chị số tiền trên nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay chị yêu cầu chị T trả cho chị số tiền 70.000.000 đồng, trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi nộp đơn khởi kiện chị có kiện liên đới anh Lê Thanh T1 là chồng chị T, nhưng ngày hòa giải anh T1 có đến trình bày là không liên quan đến việc mua bán giữa chị với chị T, chị T trình bày là số tiền này là giao dịch giữa chị và chị T nên chị rút yêu cầu khởi kiện liên đới đối với ông T1.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Bế Thị Ánh T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày chị N. Việc giao dịch mua bán gạo là do chị và chị N thực hiện. Đến thời điểm hiện tại chị còn nợ của chị N số tiền 70.000.000 đồng. Nay chị N yêu cầu chị trả số tiền 70.000.000 đồng thì chị đồng ý nhưng hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị xin trả dần hàng tháng cho chị N, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả nợ tiền trong giao dịch mua bán là tranh chấp hợp đồng mua bán, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Cai Lậy nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị N rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Lê Thanh T1. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn đối với anh T1 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: - Xét yêu cầu của các đương sự :

Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xét.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ lại trong giao dịch mua bán là 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào lời trình bày cũng như chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, lời thừa nhận của phía bị đơn thì việc thực hiện giao dịch mua bán gạo giữa chị Nguyễn Thị N và chị Bế Thị Ánh T diễn ra trong thời gian dài. Đến cuối năm 2016 thì giao dịch mới kết thúc, hai bên chốt lại số tiền mà chị T còn nợ chị N là 70.000.000 đồng nhưng đến nay chị T chưa trả, nay chị N yêu cầu chị T trả số tiền trên làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Chị T cũng đồng ý trả cho chị N nhưng chị T xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định chị Bế Thị Ánh T còn nợ chị Nguyễn Thị N số tiền 70.000.000 đồng. Chị T cũng đồng ý trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về thời gian thanh toán: Chị N yêu cầu thanh toán làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, chị T xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do hai bên không thống nhất được với nhau về thời gian thanh toán nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N. Buộc chị T phải thanh toán làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Chị Bế Thị Ánh T phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 430 Bộ luật dân sự ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc chị Bế Thị Ánh T trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 70.000.000 đồng.

- Thời hạn thanh toán: 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan thi hành án dân sự, mà chị T không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng, chị T còn phải trả cho chị N khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bế Thị Ánh T phải chịu số tiền 3.500.000 đồng. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001537 ngày 11/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị T có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh TG**;**
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng